

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN ĐT**  
**TỈNH LÂM ĐỒNG**  
Số: 01/2022/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
ĐT, ngày 13 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 107/2021/TLST-HNGĐ  
Ngày 21 tháng 12 năm 2021, giữa:

*Nguyên đơn:* Anh N, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Thôn P, M, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

*Bị đơn:* Chị T, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Thôn A, M, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Anh N và chị T.

Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/6/2002 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về con chung: Anh N và chị T thống nhất xác nhận có 01 con chung là: K, sinh ngày 25/02/2002 hiện cháu K đang ở với chị T. Do cháu K đã trưởng thành nên không đặt vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh N và chị T thống nhất vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Anh N thỏa thuận nhận chịu 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0000345 ngày** 21 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐT. Hoàn trả cho anh N 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí còn thừa. chị T không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện ĐT;
- Chi cục THADS ĐT;
- UBND **xã H**;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Quốc Tuấn**